

NGÔN NGỮ VĂN HÓA DÂN TỘC THIỂU SỐ

VÀI NÉT VỀ NGỮ ÂM PÀ THẺN VÀ PHƯƠNG ÁN PHIÊN ÂM TIẾNG PÀ THẺN

NGUYỄN THU QUỲNH
(Khoa Ngữ văn, ĐHSP, Đại học Thái Nguyên)

1. Pà Thẻn là một trong 54 dân tộc ở Việt Nam, có dân số là 5.569 người (Theo: Tổng điều tra Dân số và Nhà ở Việt Nam, 1999), cư trú chủ yếu ở hai tỉnh Hà Giang và Tuyên Quang. Trong thư tịch cổ xưa, người Pà Thẻn còn được nhắc đến với tên gọi *Bát Tiên Tộc*. Một số tác giả Pháp gọi họ là *Mán Pa Seng*, *Mán Pa Teng* hay *Y Viang Nhè*. Các dân tộc lân cận gọi người Pà Thẻn là *Mèo Hoa*, *Mèo Đỏ*, *Mèo Lài*. Họ tự gọi mình là *Pà Hưng*. Tên gọi chính thức của người Pà Thẻn là *Pà Thẻn*. Từ năm 1905, tên gọi này đã xuất hiện trong công trình nghiên cứu của A. Bonifacy - người đi đầu trong lĩnh vực nghiên cứu Đông Nam Á. Một số tác giả khác cũng nghiên cứu về dân tộc Pà Thẻn và tiếng Pà Thẻn như: G. Haudricourt, P. K. Benedict, S. David, Lí Văn Bình, Nguyễn Minh Đức, J. A. Edmondson, K. J. Gregerson, Nguyễn Văn Lợi

Với số dân rất ít, lại sống xen kẽ với các dân tộc khác (Kinh, Tày, Hmông, Dao...), dân tộc Pà Thẻn hiện đang trước nguy cơ mất dần những nét bản sắc hoặc bị pha trộn trong văn hoá của mình. Tiếng Pà Thẻn cũng đứng trước tình trạng này: chủ yếu được dùng ở thế hệ những người lớn tuổi, được sử dụng ít dần ở thế hệ trẻ, phạm vi giao tiếp có xu hướng bị thu hẹp hoặc đơn điệu, mức độ sử dụng ít đi, chưa hình thành ngôn ngữ văn hoá với sự tham

gia của chữ viết. Vì vậy, việc nghiên cứu tiếng Pà Thẻn và hướng tới một hệ thống chữ viết tự dạng Latin đối với tiếng Pà Thẻn có thể góp một phần giúp ngôn ngữ này thoát khỏi sự tiêu vong.

Tư liệu sử dụng trong bài viết này được thu thập tại thôn My Bắc - xã Tân Bắc - huyện Quang Bình - tỉnh Hà Giang, qua các cộng tác viên (CTV) Phù Quang Tuấn, Phù Văn Xuế và Lừu Thị Hạnh và những người khác.

2. Hệ thống ngữ âm Pà Thẻn

2.1. Hệ thống thanh điệu

Hệ thống thanh điệu tiếng Pà Thẻn có thể được đề nghị như sau:

Thanh 1: xuất phát ở cao độ rất cao, đường nét đi ngang và kết thúc ở cao độ tương tự như lúc xuất phát; trường độ tương đối dài; có thể được kí hiệu bằng các số 55.

Thanh 2: xuất phát ở cao độ trung bình, đường nét đi ngang và kết thúc ở cao độ tương tự như lúc xuất phát; trường độ dài; có thể được kí hiệu bằng các số 33.

Thanh 3: xuất phát ở cao độ xấp xỉ thanh 1, đường nét đi ngang khi mới xuất phát sau đó đi xuống ở cao độ xấp xỉ như thanh 2 kèm theo hiện tượng tắc thanh hầu ở cuối giai đoạn phát âm; trường độ tương đối dài; có thể được kí hiệu bằng các số 53.

Thanh 4: xuất phát ở cao độ thấp, đường nét lúc đầu bằng phẳng đi ngang,

sau đó đi lên và kết thúc ở cao độ cao hơn cao độ kết thúc của thanh 2 và thanh 3; trường độ dài; có thể được kí hiệu bằng các số 24.

Thanh 5: xuất phát ở cao độ tương đối cao, thấp hơn thanh 1 và thanh 3 một chút, đường nét hơi đi xuống thoải, kết thúc ở cao độ thấp hơn thanh 2 và thanh 3 một chút, có hiện tượng tắc nhẹ ở thanh hầu ở cuối giai đoạn phát âm; trường độ ngắn hơn thanh 3 một chút; có thể được kí hiệu bằng các số 42.

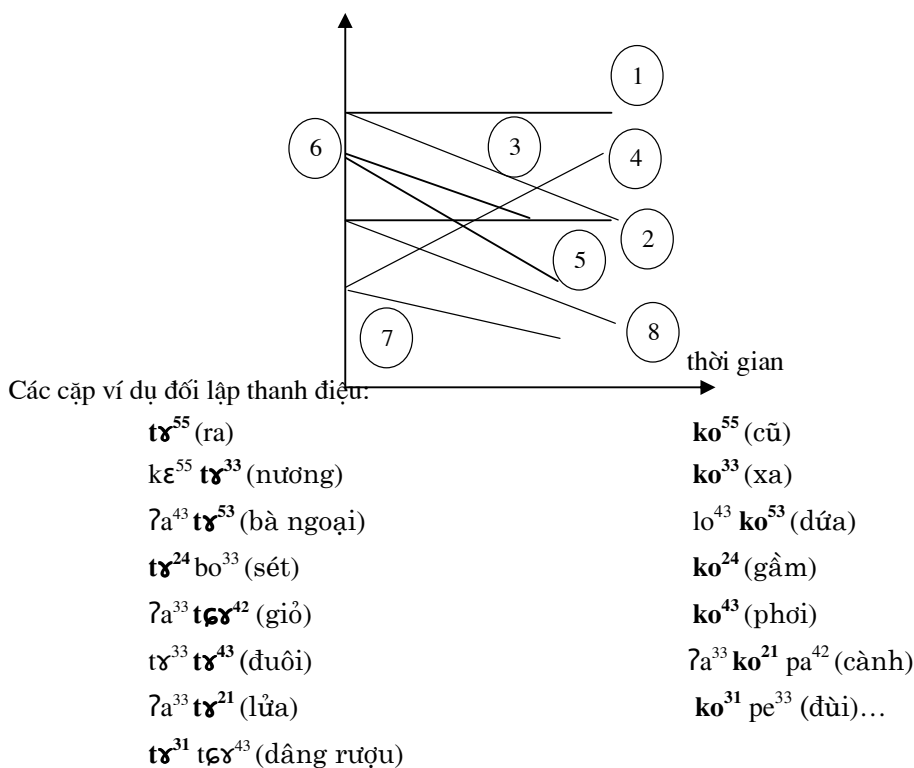
Thanh 6: xuất phát ở cao độ xấp xỉ thanh 5 một chút, đường nét thoát đầu bằng phẳng sau đó hơi đi xuống, kết thúc ở cao độ xấp xỉ với cao độ lúc xuất phát, kèm theo tiếng nghẹn ở thanh hầu ở cuối

giai đoạn phát âm; trường độ ngắn; có thể được kí hiệu bằng các số 43.

Thanh 7: xuất phát ở cao độ thấp xấp xỉ thanh 4, đường nét đi xuống khá bằng phẳng với độ dốc vừa phải; trường độ ngắn; kết thúc ở cao độ rất thấp có kèm chất giọng thở; có thể được kí hiệu bằng các số 21.

Thanh 8: xuất phát ở cao độ trung bình, xấp xỉ cao độ xuất phát của thanh 2, đường nét đi xuống khá bằng phẳng với độ dốc vừa phải; trường độ dài; kết thúc ở cao độ rất thấp có kèm chất giọng thở; có thể được kí hiệu bằng các số 31.

Hệ thống thanh điệu tiếng Pà Thẻn được hình dung trên biểu đồ như sau:



2.2. Hệ thống phụ âm

Hệ thống phụ âm tiếng Pà Thẻn có thể được đề nghị như sau:

Bảng 1: Hệ thống phụ âm Pà Thẻn

vị trí cấu âm			môi-môi	môi-răng	lợi	ngạc	mạc	thanh hầu
phương thức phát âm								
tắc	ồn	không bật hơi	p b pj bj		t d		k g kw gw	ʔ
		bật hơi	p ^h p ^h j		t ^h		k ^h k ^h w	
	mũi		m		n	ɲ	ŋ ŋw	
tắc xát	không bật hơi				ts	tɕ		
	bật hơi					tɕ ^h		
xát	ồn		ɸ β βw βj	v	z	ɕ ʐ		h hw
	bên				ɬ l			

(**Ghi chú:** Khi xuất hiện thành cặp trong một ô, kí hiệu bên trái là vô thanh, bên phải là hữu thanh)

Các ví dụ: /p/: p^hɕ³³ (gỗ); /p^h/: p^hɕ³³ (nôi); /pj/: pjɕ²⁴ (phun); /p^hj/: p^hjɕ⁴³ (gái); /b/: pa⁴³ bo³³ (sắm); /bj/: bja⁴³ (méo); /t/: ʔa⁴³ tɔ⁵⁵ (mây); /t^h/: t^hɕ⁵⁵ (than); /d/: ʔa³³ de³³ (củ); /k/: ʔa³³ kɔ³³ (sao); /k^h/: k^ha⁵⁵ (riêng); /kw/: kwe³¹ (đĩ); /k^hw/: k^hwi³³ (rầy); /g/: ʔa³³ go³³ (nắm); /gw/: gwe⁴³ (uốt); /ʔ/: ʔɕ³³ (cống); /m/: ʔa⁴³ ma²¹ (đêm); /n/: ka⁴³ hũ⁴² nɔ³³ (buổi trưa); /ɲ/: ʔa³³ ɲɕ⁵³ (chồi cây); /ŋ/: ʔa³³ ŋɕ³³ (cỏ gianh); /ŋw/: ŋwe⁵³ (sai trái); /ts/: tsɕ³³ (sáp ong); /tɕ/: ʔɔ³³ tɕi⁵⁵ (gió); /tɕ^h/: tɕ^ha⁵⁵ (giặt); /ɸ/: ta³³ ɸɕ⁴³ (trâu); /β/: βe²⁴ (măng); /βw/: ʔa³³ ɸa²⁴ βwo³³ (khuyên tai); /βj/: ʔa⁴³ βje³¹ (ớt); /v/: vi³³ (rau); /z/: zɔ⁴³ (núi rừng); /ɕ/: ɕɕ⁵³ bo³³ (chóp); /ʐ/: ta³³ ʐɕ³³ (dê); /h/: ʔa³³ hi⁴² (mặt trời); /hw/: ʔa³³ hwe⁵⁵ (vườn); /ɬ/: ɬa²⁴ to³³ (tháng); /l/: ʔa⁴³ le³³ (đất) □

2.3. Hệ thống nguyên âm

Hệ thống nguyên âm tiếng Pà Thẻn có thể được đề nghị như sau:

Bảng 2: Hệ thống nguyên âm Pà Thẻn

dòng	trước		sau			
	không mũi	mũi	không tròn môi		tròn môi	
			không mũi	mũi	không mũi	mũi
rất cao	i	ĩ	ɯ	ɯ	u	ò
cao	e	e	ɤ		o	â
thấp	ɛ	ɛ			ɔ	ɔ
rất thấp			a	a		

Các ví dụ đối giữa nguyên âm không mũi và mũi:

ta ³³ pi ³³ (con ba ba)	~	ta ³³ pi ³³ (chim sẻ)
te ³³ (dày)	~	tẽ ³³ (đến)
pɛ ³³ (bể)	~	pɛ ³³ (rơi)
ɬu ⁵⁵ (quen)	~	ɬu ⁵⁵ (tiễn đưa)
na ³³ (ép buộc)	~	tɕ ³³ nã ³³ (rừng tái sinh)
ɬu ³³ tɕi ²¹ (thức)	~	ɬũ ³³ (say)
tɕ ²⁴ bo ³³ (sét)	~	bõ ²⁴ (bưng)
nɔ ³³ (uớt)	~	nɔ ³³ (ăn)...

Các ví dụ về nguyên âm /ɕ/: tɕ³³ tɕ⁴³ (đuôi); tɕ³³ bɕ³¹ (lưỡi); ʔa³³ tɕɕ³³ (mặt) □

2.4. Âm tiết và mô hình âm tiết

Cấu trúc âm tiết Pà Thên có thể tồn tại ở 3 dạng sau đây:

- Phụ âm + thanh điệu, ví dụ: m⁴² (xấu);

n⁵⁵ (trẻ); m⁵⁵ (sung)

- Phụ âm + nguyên âm + thanh điệu, ví dụ: ʔa³³ hɛ⁴³ (biển); ʔa³³ ɲwa³³ (bầu trời); p^hɔ⁴³

ʔɔ³³ (sóng); mã³¹ hĩ⁴² (mùa)...

- Phụ âm đầu + nguyên âm + phụ âm cuối + thanh điệu, ví dụ: ta³³ tɕɔɲ⁴³ (con cáo); pje⁴³ tɕuɲ⁵⁵ kwa⁵⁵ (quả bí); vi³³ ɲi⁴³ kuɲ²⁴ (rau gai)...

3. Sự phản ánh ngữ âm Pà Thên trên chữ viết

3.1. Chữ viết trước đây của người Pà Thên

3.1.1. Từ truyền thuyết dân gian...

Theo truyền thuyết dân gian, từ thời xa xưa, người Pà Thên đã có chữ viết, khác chữ Hán, chữ Thái... Tất cả những người đàn ông đều có quyền học chữ. Trong quá trình sinh sống, do thiên tai và các tai nạn khác xảy ra liên tiếp, người Pà Thên đã phải từ bỏ quê cha đất tổ đi tìm nơi khác để cư trú. Khi đó do di cư đồ đạc nặng nề công kênh quá, người ta đành đem đốt sách có chữ, lấy tro hoà vào nước chia đều cho những người trưởng họ uống hết vào trong bụng. Từ đó trở đi, người Pà Thên không còn chữ viết nữa, mà chỉ ghi nhớ trong bụng những sự việc cần nhớ

Dẫu chỉ là truyền thuyết, nhưng câu chuyện về chữ viết vẫn được các thế hệ người dân tộc Pà Thên kể lại cho con cháu đời sau, như gói ghém biết bao ước mơ và

khát vọng bảo tồn và phát triển những nét văn hoá truyền thống mà tổ tiên của họ đã không ngừng vun đắp và gìn giữ.

3.1.2. ...đến chữ hình vẽ trong sách của thầy cúng Pà Thên

Trong quá trình tìm hiểu về ngôn ngữ và dân tộc Pà Thên, Nguyễn Minh Đức cùng một số nhà dân tộc học khác đã công bố hai tập tài liệu văn cúng tìm thấy ở vùng đồng bào Pà Thên và cho rằng những tài liệu ấy có thể liên quan đến truyền thuyết về chữ viết.

Tập tài liệu thứ nhất thu thập ở Thượng Minh, xã Hồng Quang, huyện Chiêm Hoá, Tuyên Quang dày 64 trang, ghi lại những bài cúng ma và con đường dẫn hồn người chết trở về quê hương. Tập tài liệu thứ hai dày 32 trang, ghi lại con đường di cư và những bài cúng ma của đồng bào Bắc Vĩ, xã Tân Trịnh, Bắc Quang, Hà Giang (tức thôn My Bắc, xã Tân Bắc, huyện Quang Bình ngày nay). Được “viết” (đúng hơn là “vẽ”) trong các tập tài liệu này là các hình hoặc tập hợp hình biểu thị những sự vật, hiện tượng khác nhau như người; động vật (gà, vịt, lợn, dê); thực vật (gốc cây đa, bãi rau dớn); đồ đạc (cửa, cối giã gạo, bếp lửa, xa kéo sợi, thùng nhuộm vải) và những sự vật là kết quả của trí tưởng tượng (ma, thiên đường, chỗ thờ ma, nhà mẹ mặt trời, chỗ rửa chân của ma thiên đường).

Dù sự xuất hiện của những chữ hình vẽ trong sách của thầy cúng Pà Thên đã phản ánh được phần nào cuộc sống hàng ngày, những suy nghĩ, tâm tư của cộng

đồng dân tộc Pà Thên, khắc phục được phần nào những hạn chế về mặt không gian và thời gian, nhưng xét về mặt lưu ký và truyền đạt lời nói, những chữ hình vẽ này cũng bộc lộ nhiều nhược điểm.

Theo kết quả điều tra điền dã của chúng tôi ở vùng Quang Bình - Hà Giang, những bản ghi chép này chỉ được sử dụng trong một số người, chỉ những thầy cúng mới đọc được, mà chưa được dùng phổ biến trong đời sống của người Pà Thên.

Mức độ trừu tượng của các tập văn cúng này rất cao. Nguyễn Minh Đức đã thống kê trong tập tài liệu tìm thấy ở vùng Thượng Minh có 290 hình vẽ, với 538 lượt hình, 81 hình tập hợp nhiều sự vật, 209 hình một sự vật. Với sự giúp đỡ của những người còn đọc được, ông chỉ hiểu được ý nghĩa của 23 hình, còn 267 hình khác chưa biết biểu thị ý gì.

Theo Phù Văn Xuế kể lại, ông nội của Xuế là Phù Kim Tiến (đã mất) trước đây cũng là một thầy cúng. Ông có giữ một tập văn cúng bằng thứ chữ gần giống với chữ Hán, nhưng văn bản này đã bị thất lạc trong thời gian người Pà Thên hạ sơn lập trại (khoảng những năm 60 của thế kỉ XX). Nếu tìm thấy được, có thể những văn bản như vậy sẽ chứng minh rằng, ngoài chữ hình vẽ, trước đây người Pà Thên còn sử dụng một loại chữ tượng hình (có thể là chữ Hán được người Pà Thên mang sang từ Trung Quốc; hoặc là một loại chữ dựa trên chữ Hán ghi âm tiếng Pà Thên - có thể giống như chữ Nôm của người Việt).

3.2. Chữ viết tự phát của các trí thức Pà Thên

3.2.1. Từ nguyện vọng tha thiết có chữ viết...

Từ trong truyền thuyết, từ chữ hình vẽ, từ những dấu hiệu đơn sơ, người Pà Thên muốn “nói” nhiều hơn những gì mà ngôn ngữ thành tiếng và những điệu bộ cử chỉ đã nói. Họ muốn gìn giữ lại mãi cho con cháu của mình những kinh nghiệm thành công và thất bại trong lao động sản xuất, những tấm gương chói lọi, những bài học đáng cay, những niềm hi vọng, khát khao,

mơ ước, những di sản văn hoá vật chất và tinh thần, và cả những lời trò chuyện với thánh thần. Đảm nhiệm vai trò đó, tốt nhất là có *chữ viết*.

Nhận thức được đúng đắn vai trò của chữ viết đối với sự phát triển kinh tế, xã hội, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã rất chú ý đến việc xây dựng các chữ viết cho những dân tộc chưa có chữ viết. Theo tinh thần này, từ những năm 60 của thế kỉ XX, nhiều bộ chữ viết dân tộc thiểu số tự dạng Latin đã được chế tác và đưa vào sử dụng như Hmông, Tày - Nùng, Thái, Ba na, Xơ đăng, Gia rai, Ê đê, Mnông, Cơ ho, Ta ôi, Bru - Vân Kiều. Đáng tiếc là đến nay, dân tộc Pà Thên vẫn chưa có chữ viết theo tự dạng Latin.

Vì thế, có chữ viết của dân tộc mình vẫn là nguyện vọng tha thiết, không chỉ của những trí thức mà của đồng bào Pà Thên. Phù Văn Xuế, Lừu Thị Hạnh - những trí thức trẻ người Pà Thên, trong những buổi nói chuyện với chúng tôi vẫn luôn trăn trở, băn khoăn về tương lai dân tộc mình, trong đó có vấn đề chữ viết.

3.2.2. ...đến chữ viết tự phát của các trí thức Pà Thên

Xuất phát từ nhu cầu học tập và công việc, cũng như ý thức muốn giữ gìn những vốn văn nghệ truyền thống của dân tộc, một số người Pà Thên đã sử dụng chữ Quốc ngữ để ghi âm lại tiếng nói của dân tộc mình. Dù đây mới chỉ là cách viết nhất thời và tùy tiện, song những cách ghi này lại rất cần được tham khảo khi xây dựng chữ Pà Thên theo tự dạng Latin, vì nó ghi nhận sự liên tưởng của người bản ngữ Pà Thên khi gặp một âm nào đó trong tiếng mẹ đẻ của mình với một hình thức thể hiện một âm giống hay tương tự như thế trong chữ Quốc ngữ (cũng là tự dạng Latin, dùng để ghi tiếng Việt).

Tư liệu chúng tôi sử dụng để nghiên cứu các quy tắc trong chữ viết tự phát của các trí thức Pà Thên ở đây chỉ là một vài trong các cách ghi như đã nói trên. Đó là chữ do các CTV Phù Văn Xuế và Lừu Thị Hạnh ghi. Họ đã viết ra các văn bản ghi

tiếng Pà Thên theo cách của riêng mình. Khảo sát văn bản gồm gần 2000 từ ngữ do Phù Văn Xuế cung cấp và hai văn bản gần 700 từ ngữ (cùng một nội dung nhưng được ghi ở hai thời điểm khác nhau, cách nhau khoảng 6 tháng) do Lưu Thị Hạnh cung cấp chúng tôi đã thu được kết quả như sau:

- Đối với thanh điệu Pà Thên, các CTV sử dụng bốn kí hiệu của chữ Quốc ngữ (các dấu) ghi các thanh “không dấu” (-), thanh “sắc” (/), thanh “huyền” (\) và thanh “nặng” (.) để ghi. Kí hiệu ghi thanh “không dấu” tiếng Việt được dùng để ghi thanh 33 và thanh 42 Pà Thên. Kí hiệu ghi thanh “sắc” được dùng để ghi thanh 55, thanh 24. Kí hiệu ghi thanh “huyền” được dùng để ghi thanh 21, thanh 31. Kí hiệu ghi thanh “nặng” được dùng để ghi thanh 43, thanh 53. Như vậy, hai dấu thanh còn lại của tiếng Việt là thanh “ngã” và thanh “hỏi” không được sử dụng. Trên chữ viết, các CTV không thể hiện được sự phân biệt một số thanh điệu, đã dùng cùng một dấu ghi thanh cho những thanh khác nhau, là vì nhận thấy giữa chúng có “cái gì đó” giống nhau. Đồng thời họ cũng có cảm nhận rằng không thể dùng dấu của thanh “ngã” và thanh “hỏi” của tiếng Việt (những dấu ghi các thanh có đường nét không bằng phẳng - hay còn gọi là “hai hướng”). Ngoài điều đó ra, cũng cần phải lưu ý rằng tiếng Việt có sáu thanh trong khi tiếng Pà Thên có đến tám thanh. Vì vậy, dù có tận dụng hết sáu kí hiệu ghi thanh của tiếng Việt để ghi thanh điệu Pà Thên, thì cũng sẽ có tới hai thanh được ghi trùng với các thanh khác.

- Đối với phụ âm Pà Thên, hai CTV đã dùng một số kí hiệu (chữ cái) vốn dùng để ghi các âm giống hoặc tương tự như trong tiếng Việt để ghi. Hai CTV đã có cách ghi giống nhau ở hầu hết các âm như: /p/ p, /pj/ p, /pʰ/ ph, /pʰj/ ph, /b/ b, /bj/ bi, /ɸ/ v, /v/ v, /β/ b, /βw/ bu, /m/ m, /n/ n, /ɲ/ nh, /ŋ/ ng, /t/ t, /tʰ/ th, /d/ đ, /tɕ/ ch, /l/ l, /kw/ qu, /kʰ/ kh, /gw/ gu, /ʔ/

không kí hiệu, /h/ h, /hw/ hu. Tuy nhiên, có một số âm khác nhau vẫn được các CTV phản ánh trên chữ viết giống nhau như: /p - pj/, /pʰ - pʰj/, /ɸ - v/, /β - b/. Có 9 phụ âm được hai CTV thể hiện trên chữ viết khác nhau là: /βj/ bi - b, /ts/ tr - ch, /ɲw/ w - ngo, /k/ c - k, /ɕ/ r - s, /z/ r - d, /tɕʰ/ tr - ch, /ʔ/ lr - l, /ʔ/ nh - d. Đặc biệt, các âm /ts - tɕʰ/ đều được Phù Văn Xuế ghi là tr, các âm /ts - tɕ - tɕʰ/ đều được Lưu Thị Hạnh ghi là ch.

- Đối với nguyên âm Pà Thên, hai CTV cũng đã dùng một số chữ cái vốn dùng để ghi các âm giống hoặc tương tự trong tiếng Việt để ghi. Nhìn chung, cả hai CTV đều khá thống nhất khi ghi nguyên âm. Đặc biệt là để ghi các nguyên âm mũi hóa, Phù Văn Xuế và Lưu Thị Hạnh đều dùng chữ *ng* để ghi nét mũi hoá, đặt sau chữ ghi nguyên âm bình thường. Sự khác nhau giữa hai CTV khi ghi nguyên âm là: Phù Văn Xuế dùng chữ *nh* ghi nét mũi hoá của hai nguyên âm /ĩ/ và /ẽ/; còn Lưu Thị Hạnh thì dùng chữ *ng* để ghi nét mũi hoá của hai nguyên âm này.

Khi tìm hiểu những văn bản chữ viết tự phát của hai CTV có thể dễ dàng nhận thấy cách ghi âm không thống nhất và không nhất quán đối với một số âm không có các âm tương tự hoặc giống chúng trong tiếng Việt. Điều này có thể thông cảm, vì trong tình trạng chưa có một hệ thống chữ viết chính thức thì rõ ràng sự tùy tiện khi ghi là điều dễ hiểu. Mặt khác, cần nhớ rằng ở đây các CTV đã dùng chữ Quốc ngữ (vốn dùng để ghi tiếng Việt) để ghi tiếng Pà Thên.

Rõ ràng chữ viết tự phát của các trí thức Pà Thên không thể phản ánh đúng và đầy đủ được các đặc điểm ngữ âm của tiếng Pà Thên.

3.3. Phương án phiên âm tự dạng Latin đối với tiếng Pà Thên

3.3.1. Những nguyên tắc khi xây dựng phương án phiên âm Latin tiếng Pà Thên

Cũng như khi xây dựng chữ viết ghi âm cho các dân tộc khác ở Việt Nam, việc

dùng bộ chữ cái hệ Latin để ghi tiếng Pà Thên phải căn cứ vào những nguyên tắc sau:

- Ghi được đầy đủ mặt âm thanh của tiếng Pà Thên.

- Đơn giản, dễ nhớ, dễ học và dễ sử dụng.

- Cố gắng gần với chữ Quốc ngữ (trong sự lựa chọn các kí hiệu và xác định các nguyên tắc chung), đồng thời cần tránh đi những bất hợp lí của chữ Quốc ngữ.

- Lưu ý đến cách ghi đối với các ngôn ngữ gần gũi với tiếng Pà Thên (đó có thể là chữ viết Hmông, hoặc phương án ghi chữ Dao - nếu có).

- Đồng thời, đối với trường hợp tiếng Pà Thên, thiết nghĩ cũng không thể không tham khảo cách ghi tự phát của các trí thức dân tộc này.

3.3.2. Phương án phiên âm

3.3.2.1. Cách ghi thanh điệu

Điểm độc đáo của chữ Quốc ngữ là ghi thanh điệu tiếng Việt bằng các dấu: “không dấu”, “sắc”, “huyền”, “ngã”, “hỏi”, “nặng”. Về số lượng, các kí hiệu trên không đủ dùng để thể hiện tám thanh điệu của tiếng Pà Thên. Hơn nữa, các kí

Sự tương ứng giữa các kí hiệu và các thanh điệu Pà Thên được thể hiện trong bảng sau đây:

Bảng 3: Cách ghi thanh điệu

thanh điệu	cách ghi		thanh điệu	cách ghi	
	kí hiệu	ví dụ		kí hiệu	ví dụ
55	<i>không kí hiệu</i>	<i>ak lha</i> (mặt trắng) □	31	<i>x</i>	<i>tok box</i> (lưỡi) □
33	<i>k</i>	<i>pok</i> (hoa) □	24	<i>r</i>	<i>ak kar</i> (hạt) □
42	<i>s</i>	<i>ak chos</i> (giò) □	43	<i>v</i>	<i>av mov</i> (bụi) □
21	<i>l</i>	<i>av mal</i> (đêm) □	53	<i>z</i>	<i>av toz</i> (bà ngoại) □

3.3.2.2. Cách ghi phụ âm

Các trí thức Pà Thên dùng chữ Quốc ngữ để ghi tiếng mẹ đẻ của mình, đã gặp một số lúng túng nhất định khi ghi một số phụ âm. Điều đó là tất yếu, vì chữ Quốc ngữ không đủ chữ để ghi các âm rất đặc biệt của tiếng Pà Thên.

Theo sát nguyên lí đơn hiệu và đơn trị của chữ ghi âm, mỗi phụ âm Pà Thên cần được ghi bằng một kí hiệu nhất định để không thể gây nhầm lẫn và thắc mắc cho người sử dụng. Tuy nhiên, cũng như trong chữ Quốc ngữ, nguyên lí này là không thể đạt tới tuyệt đối trong trường hợp tiếng Pà Thên. Sự tương ứng giữa các kí hiệu và các âm vị phụ âm được thể hiện trong bảng sau đây:

Bảng 4: Cách ghi phụ âm

phụ âm	cách ghi	phụ âm	cách ghi
--------	----------	--------	----------

hiệu của thanh “ngã”, thanh “hỏi” trong tiếng Việt được dùng để ghi những thanh có đường nét không bằng phẳng, trong khi tám thanh thanh điệu Pà Thên đều có đường nét bằng phẳng, nếu dùng các kí hiệu này để ghi lại thanh điệu Pà Thên có thể khiến người sử dụng liên hệ lệch lạc hoặc hiểu sai về bản chất ngữ âm - âm vị học của các thanh điệu Pà Thên. Ngoài ra, nếu ghi thanh bằng dấu (trên chữ ghi nguyên âm) có thể sẽ trùng với vị trí của dấu ghi nét ngữ âm “mũi hoá”. Vậy nên ghi các thanh điệu Pà Thên theo cách nào?

Tiếng Pà Thên nằm trong nhóm ngữ hệ Hmông - Miên, có các ngôn ngữ họ hàng gần gũi là Hmông, Dao. Tiếng Hmông cũng có tám thanh điệu và đã sử dụng tám chữ cái để ghi. Để tiện cho việc kí hiệu thanh điệu Pà Thên và tính đến gần gũi giữa người Hmông và người Pà Thên, theo chúng tôi có thể dùng bảy chữ cái để ghi dấu thanh điệu (như cách ghi trong chữ Hmông). Đồng thời cũng như trong chữ Hmông, các chữ ghi thanh này cũng có vị trí ở cuối chữ ghi âm tiết.

	chữ	ví dụ		chữ	ví dụ
p	p	<i>pav bók</i> (sấm) □	d	đ	<i>dol</i> (ngã) □
pj	pi	<i>tók piơ</i> (giáo) □	ts	tr	<i>trer</i> (giỏi)...
p ^h	ph	<i>ak phék</i> (bè) □	ɕ	ch	<i>tók chor</i> (câu) □
p ^h j	phi	<i>phiòk</i> (thối) □	tɕ ^h	chh	<i>chhố</i> (giặt) □
b	b	<i>ak bol</i> (mũ) □	z	d	<i>ak dók</i> (đá) □
bj	bi	<i>biav</i> (méo) □	l	l	<i>av lək</i> (đất) □
ɸ	f	<i>tak fir</i> (nhện) □	ɬ	lh	<i>tak lhố</i> (chó) □
v	v	<i>vik</i> (rau) □	ɕ	s	<i>són</i> (cỏ)...
β	mb	<i>mbér</i> (mãng) □	ʒ	j	<i>tak jək</i> (đề) □
βj	mbi	<i>ak mbio</i> (phối) □	k	k	<i>av kũk</i> (dưới) □
βw	mbu	<i>ak lhar mbuók</i> (khuyên tai) □	kw	ku	<i>kuak pas</i> (đu đủ) □
m	m	<i>mố</i> (tuyệt) □	k ^h	kh	<i>kha</i> (riêng) □
n	n	<i>ak nũk</i> (tím) □	k ^h w	khu	<i>khuik</i> (rầy) □
ɲ	nh	<i>tak nhok</i> (mèo) □	g	g	<i>piév gok</i> (xoài) □
ŋ	ng	<i>ngz chhiv</i> (bạc) □	gw	gu	<i>gui</i> (móng) □
ŋw	ngu	<i>nguez</i> (sai trái) □	ʔ	không kí hiệu	<i>ók</i> (nước) □
t	t	<i>chōk tok</i> (dừa) □	h	h	<i>so sər hok</i> (giẻ lau) □
t ^h	th	<i>av thē</i> (than) □	hw	hu	<i>sōk hua</i> (cây bông) □

3.3.2.3. Cách ghi nguyên âm

Khi ghi âm nguyên âm, các trí thức Pà Thẻn dùng kí hiệu tương đối thống nhất, dựa trên các chữ cái và ấn tượng về các nguyên âm được thể hiện trong chữ Quốc ngữ. Các nguyên âm mũi Pà Thẻn được ghi bằng chữ ghi nguyên âm + *nh* hoặc *ng*. Có thể nhận thấy cách ghi này chưa hợp lí

bởi ngôn ngữ này ngoài hệ thống nguyên âm mũi còn có âm cuối /ŋ/ cũng được biểu thị bằng chữ *ng*. Giải pháp chữ viết hợp lí hơn là ghi nguyên âm mũi trong trường hợp này là dùng kí hiệu (~) đặt trên chữ ghi nguyên âm. Sự tương ứng giữa các kí hiệu và các âm vị nguyên âm được thể hiện trong bảng sau đây:

Bảng 5: Cách ghi nguyên âm

nguyên âm	cách ghi		nguyên âm	cách ghi	
	chữ	ví dụ		chữ	ví dụ
i	i	<i>tak fir</i> (nhện) □	a	a	<i>ak gók</i> (nấm) □
ĩ	ĩ	<i>ĩ</i> (lâm) □	ã	ã	<i>đãz</i> (đan) □
e	ê	<i>ak huê</i> (vườn) □	u	u	<i>tak nguk kuok</i> (con bò) □
ẽ	ẽ	<i>lêk</i> (phát) □	ũ	ũ	<i>tók ốv dũk</i> (cầu vồng) □
ɛ	e	<i>ak phék</i> (bè) □	o	ô	<i>lón kôz</i> (dừa) □
ɛ	ê	<i>êk</i> (cồng) □	õ	ố	<i>dố</i> (gân); <i>bốk</i> (bụng) □
ɯ	ư	<i>tak kưk lữz</i> (dòi) □	ɔ	o	<i>nhox ok</i> (lục) □
ɯ	ữ	<i>av kũk</i> (dưới) □	ɔ	ố	<i>ók</i> (nước) □
ɤ	ơ	<i>trók</i> (sáp ong) □			

3.3.2.4. Cách ghi âm tiết và các dấu câu

Các chữ cái ghép lại để ghi âm tiết theo nguyên tắc: từ trái sang phải, các chữ cái ghi phụ âm đầu đứng trước, sau đó ghi đến nguyên âm và phụ âm cuối. Chữ cái ghi thanh điệu ở vị trí sau cùng.

Ví dụ: *mz hĩs* (hôm nay) *tak pik* (con ba ba) *tak mk lhố* (bọ chó) *tak chongv* (con cáo) *nhohốk* (đông lạnh) *vik nhiv kưgr* (rau gai)

Các dấu câu (được dùng khi chỉ ra ranh giới giữa các câu, giữa các thành phần

câu) được ghi theo cách tương ứng của tiếng Việt. Đó là: dấu chấm (.), dấu phẩy (,), dấu chấm hỏi (?), dấu chấm lửng (), dấu hai chấm (:), dấu chấm than (!), dấu chấm phẩy (;), dấu gạch ngang (-), dấu ngoặc kép (“ ”), dấu ngoặc đơn ()

Các chữ cái viết hoa (đứng đầu câu, tên riêng) theo cách viết hoa của chữ Quốc ngữ.

4. Căn cứ trên kết quả miêu tả ngữ âm - âm vị học tiếng Pà Thẻn, có thể đề nghị một phương án phiên âm tiếng Pà Thẻn theo tự dạng Latin (gồm cách ghi thanh điệu, phụ âm, nguyên âm, âm tiết...). Hi vọng rằng hệ thống chữ viết này sẽ tạo điều kiện để đồng bào Pà Thẻn bảo tồn và phát triển ngôn ngữ cũng như các mặt văn hoá khác bằng chính ngôn ngữ chữ viết của dân tộc mình. Có chữ viết, chắc chắn trong xu thế phát triển chung, ngôn ngữ Pà Thẻn sẽ được dùng để bày tỏ cũng như lưu giữ lại những tâm tư, tình cảm, nguyện vọng, vốn văn nghệ truyền thống của một dân tộc có lễ hội “nhảy lửa” rất nổi tiếng này.

Muốn chữ viết Pà Thẻn đi vào đời sống xã hội, trước hết chữ phải được Nhà nước công nhận chính thức và đặc biệt phải được đồng bào chấp nhận, trân trọng như một tài sản của dân tộc mình, sau đó nó phải được thể hiện ra trong những văn bản có nội dung hấp dẫn. Đó cũng là nhiệm vụ tác giả tự đặt cho mình cũng như cho những người đồng chí hướng, trong những nghiên cứu tiếp theo.

Tài liệu tham khảo

1. Lí Văn Bình (1995), *Bản về vị trí Pà Hưng trong ngôn ngữ Mèo Dao*, Luận văn thạc sĩ Đại học Dân tộc trung ương, Trung Quốc.
2. Nguyễn Văn Chính (1971), *Từ điển Mèo - Việt*, Nxb KHXH, H.
3. Edmondson J. A., Gregerson K. J., Nguyễn Văn Lợi (2001), *Vài khía cạnh của*

ngôn ngữ các dân tộc thiểu số miền cực bắc Việt Nam: Dân tộc Đông, Thuỷ, Pà Thẻn của hai tỉnh Tuyên Quang, Hà Giang, Việt Nam học (Kỷ yếu Hội thảo quốc tế lần thứ nhất - 1998), Nxb Thế giới, H, tr. 47 - 64.

4. Ninh Văn Hiệp (chủ biên) (2006), *Văn hoá phong tục Pà Thẻn - bảo tồn và phát huy*, Nxb VHDT, H.

5. Nguyễn Văn Lợi (1993), *Lịch sử tộc người Mèo - Dao qua cứ liệu ngôn ngữ*, Tạp chí Ngôn ngữ, (4), tr. 25 - 41.

6. Nguyễn Văn Lợi, Lý Toàn Thắng (2001), *Về sự phát triển của ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam trong thế kỉ XX*, Tạp chí Ngôn ngữ, (2), tr. 1 - 11.

7. Phan Hữu Dật (1999), *Pà - Tên và mối quan hệ Mèo - Dao ở Việt Nam*, Một số vấn đề về dân tộc học Việt Nam, Nxb ĐHQG, H, tr. 568 - 577.

8. Nguyễn Thu Quỳnh (2008), *Từ ngữ xưng gọi trong tiếng Pà Thẻn*, Hội thảo Ngữ học trẻ - Xuân 2008, thành phố Vinh - Nghệ An.

9. Đặng Đức Siêu (1982), *Chữ viết trong các nền văn hoá*, Nxb Văn hoá, H.

10. Lý Toàn Thắng (1979), *Một vài cơ sở ngôn ngữ học của vấn đề chữ viết*, Tạp chí Ngôn ngữ (3 + 4), tr. 184 - 195.

11. Tạ Văn Thông, Lê Đông (2001), *Tiếng Hà Nhì*, Nxb VHDT, H.

12. Đoàn Thiện Thuật, Mai Ngọc Chừ (1992), *Tiếng Dao*, Nxb KHXH, H.

13. Viện Ngôn ngữ học (1972), *Tìm hiểu ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam*, tập 1, Nxb KHXH, H.

14. Viện Ngôn ngữ học (1993), *Những vấn đề chính sách ngôn ngữ ở Việt Nam*, Nxb KHXH, H.

15. Viện Ngôn ngữ học (2002), *Cảnh huống và chính sách ngôn ngữ ở Việt Nam*, Nxb KHXH, H.

(Biên tập nhận bài ngày 20-10-2008)